

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

ABTS		2,2'-azino-bis(3-ethylbenzothiazoline-6-sulfonic acid)
DPPH		2,2-diphenyl-1-picrylhydrazyl
DW	Chất khô	Dry weight
FRAP	Năng lực khử sắt	Ferric reducing ability of plasma
GAE	Acid galic tương đương	Galic acid equivalent
MIC	Nồng độ ức chế tối thiểu	Minimum inhibitory concentration
OD	Mật độ quang	Optical density
QE	Quercetin tương đương	Quercetin equivalent
TE	Trolox tương đương	Trolox equivalent
TFC	Hàm lượng flavonoid tổng	Total Flavonoid Content
TPC	Hàm lượng polyphenol tổng	Total Phenolic Content

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Cây xạ vàng	2
Hình 2.1. Thân cây xạ vàng khô.....	11
Hình 2.2. Quy trình trích ly dịch trích từ thân cây xạ vàng.....	14
Hình 3.1. Bột thân cây xạ vàng	19
Hình 3.2. Đường chuẩn của TPC, DPPH, ABTS và FRAP	19
Hình 3.3. Hàm lượng polyphenol khi chiết ở các dung môi khác nhau	20
Hình 3.4. Hàm lượng hoạt tính kháng oxy hóa khi chiết ở các dung môi khác nhau ...	21
Hình 3.5. Hàm lượng polyphenol khi chiết ở các tỉ lệ chất rắn trên dung môi khác nhau	22
Hình 3.6. Hoạt tính kháng oxy hóa khi chiết ở các tỉ lệ chất rắn trên dung môi khác nhau	23
Hình 3.7. Hàm lượng polyphenol khi chiết ở các thời gian khác nhau	24
Hình 3.8. Hoạt tính chống oxy hóa khi chiết ở các thời gian khác nhau	25
Hình 3.9. Hàm lượng polyphenol tổng khi chiết ở các nhiệt độ khác nhau	26
Hình 3.10. Hàm lượng hoạt tính kháng oxy hóa khi chiết ở các nhiệt độ khác nhau ...	27

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Kết quả nghiên cứu từ những nguồn nguyên liệu khác nhau.....	10
Bảng 2.1. Các thiết bị được sử dụng trong nghiên cứu	12
Bảng 2.2. Bố trí thí nghiệm khảo sát đơn biến	15
Bảng 2.3. Xây dựng đường chuẩn dùng xác định hàm lượng polyphenol tổng.....	16
Bảng 2.4. Xây dựng đường chuẩn dùng xác định hoạt tính chống oxy hóa abts	17